TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 103/2025/DS-PT
Ngày: 12.3.2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các Thẩm phán: Bà Võ Bích Hải

Ông Võ Bảo Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: ông Trần Thanh Vũ - Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 654/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2025/QĐ-PT ngày 22 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H, sinh ngày 30/9/1980. Địa chỉ: A, N, phường A, quận N, Tp . (vắng mặt).

Đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Minh Đ, sinh ngày 02/01/1987. Địa chỉ: Ấp Đ, xã Đ, huyện T, thành phố Cần Thơ. Theo hợp đồng ủy quyền ngày 23/10/2023 (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1977 (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số C, đường N, khu V, phường B, quận B, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp cho bị đơn: bà Trần Thị M, sinh năm: 1985. Địa chỉ: I, N, P. A, quận N, Tp Cần Thơ (có mặt).

-*Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:* Ông Trần Duy H1, sinh năm 1976. Địa chỉ: C, khu V, phường B, quận B, Tp Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp: Ông Võ Hoàng N, sinh năm 1979. Địa chỉ: G, đường số E, khu dân cư E, khu vực T, phường P, quận C, Tp Cần Thơ (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày và yêu cầu khởi kiện như sau: Do quen biết từ trước nên bà có cho bà D vay tiền nhiều lần và tham gia chơi hụi do bà D làm chủ hụi, ngoài ra bà còn chơi hụi giùm bà D. Tính đến ngày 04 tháng 10 năm 2023 bà D còn thiếu bà tổng cộng số tiền vay là 2.980.000.000đ. Sau khi cấn trừ tiền hụi thì bà D còn thiếu bà là 2.233.000.000đ. Bà D có làm biên nhận chốt nợ ngày 04/10/2023, không thỏa thuận lãi suất. Sau khi chốt nợ bà có yêu cầu bà D trả tiền, bà D hứa hẹn nhiều lần nhưng không thực hiện và có dấu hiệu tẩu tán tài sản để không trả nợ cho bà. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Buộc bà D và chồng là ông T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà D số tiền vay 2.233.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 04/10/2023 đến khi trả xong nợ với lãi suất 0,83%/tháng. Buộc bà D và ông T trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực. Đại diện nguyên đơn cho rằng đối với biên nhận ngày 20/6/2022, số tiền 3.480.000.000đ đại diện nguyên đơn cung cấp là chữ ký của bà Nguyễn Thị D, biên nhận này nguyên đơn không kiện bị đơn do đã chốt nợ ngày 04/10/2023.

*Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà H, lần lượt bị đơn bà D, ông T có ý kiến như sau:

- Bà D trình bày: Do quen biết từ trước và có qua lại với nhau nhiều năm nên bà H có cho bà vay tiền nhiều lần và tham gia chơi hụi do bà làm chủ hụi. Đến tháng 02 năm 2019 bà còn thiếu bà H 2.000.000.000 đồng, bà H yêu cầu bà trả lãi suất 20%/tháng của số tiền hai tỉ đồng, bắt đầu từ ngày 05/10/2019 bà đã chuyển khoản trả nợ cho bà H với số tiền 4.764.699.000 đồng vào số tài khoản do bà H đứng tên. Đến khoản tháng 8 năm 2022 dịch bệnh covid 19 do bà không có khả năng trả tiền cho bà H. Bà H và chồng bà H đến nhà và tại cơ quan của bà để chửi bới, xúc phạm với mục đích yêu cầu trả nợ. Đỉnh điểm vào ngày 05/9/2023 bà H có đến căng băng rôn tại trường Cao đẳng C tại Lộ V, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ dẫn đến việc vợ chồng bà bị kỷ luật. Thời điểm đó bà sợ ảnh hưởng đến công việc và con cái, do đó, ngày 04/10/2023 bà H ép bà ký tên vào biên nhận chốt nợ với nội dung

xác nhận còn thiếu bà H tổng cộng số tiền 2.233.000.000 đồng với lời hứa của bà H sẽ không quấy phá hay làm ảnh hưởng gì với gia đình, con cái và công việc của bà, chờ khi nào bà có tiền sẽ trả. Bà tin lời bà H nên đã ký vào biên nhận chốt nợ ngày 04/10/2023.

-Ông T xác định không hay biết gì việc tham gia chơi hụi, vay tiền giữa bà D và bà H. Ông không có ký giấy tờ gì liên quan đến vụ án. Khi Tòa án thông báo thụ lý vụ án số 364 ngày 25/12/2023 thì ông mới biết. Đối với yêu cầu của bà H khởi kiện buộc vợ ông và ông có nghĩa vụ liên đới trả cho bà H số tiền vay 2.233.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 04/10/2023 đến khi trả xong nợ với lãi suất 0,83%/tháng và buộc trả tiền một lần ngay khi án có hiệu lực thì ông không đồng ý bởi vì vợ ông bà D cho rằng chuyển trả dư cho bà H hơn 2.764.699.000 đồng và ông không có vay tiền cũng không có nợ, không tham gia hợp đồng góp hụi với bà H nên không đồng ý cùng vợ ông trả nợ cho bà H.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Duy H1 trình bày:* Trước đây Tòa án nhân dân quận Bình Thủy đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2024/QĐ-BPKCTT ngày 04/01/2024 và sau đó ban hành Quyết định hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 04/2024/QĐ-BPKCTT ngày 15/01/2024 nên ông không liên quan vụ kiện và không có yêu cầu độc lập, sau này có tranh chấp sẽ tách ra thành vụ kiện khác.

*Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử công khai. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2024/DS-ST ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Xuân T liên đới trả số tiền 2.233.000.000 đồng (hai tỉ hai trăm ba mươi ba triệu đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút yêu cầu tính lãi.

3. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 26/9/2024 ông T và bà D kháng cáo kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy án sơ thẩm vì không xem xét việc bà D đã trả tiền hơn số tiền nợ, biên nhận chốt nợ là do bị bà H ép buộc ký, đồng thời, ông T không liên quan gì đến vụ việc vay mượn mà buộc liên đới trả là không đúng.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ, xét thấy, về số nợ bà D đã chốt, thừa nhận có ký nên có trách nhiệm trả nợ cho bà H. Về trách nhiệm liên đới của ông T, việc vay mượn nợ và chơi hụi giữa bà D và bà H diễn ra từ năm 2017 đến 04/10/2023 mới chốt. Ông T, bà D kết hôn năm 2019, biên nhận không có ông T ký, việc mượn nợ bà D lo cho em bà D nên không thể buộc ông T có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà H. Đề nghị sửa án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của ông T, không chấp nhận kháng cáo của bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nên tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Xét kháng cáo của bị đơn bà D:

[2.1] Qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa cũng như xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc vay tài sản và chơi hụi với nhau qua nhiều năm trước đó, tuy nhiên, các bên còn mâu thuẫn về số tiền vay cũng như tiền còn nợ, trách nhiệm liên đới. Xét thấy, phía nguyên đơn bà H cho bị đơn bà D vay tiền và các bên có chơi hụi qua lại diễn ra trong nhiều năm. Phía bà D thừa nhận có ký biên nhận chốt nợ ngày 04/10/2023, nội dung biện nhận thể hiện: *"bị đơn còn nợ nguyên đơn 2.233.000.000 đồng, số nợ đã chốt và các giấy biên nhận trước không còn hiệu lực"*. Bà D cho rằng việc ký biên nhận là bị bà H ép buộc nhưng không có chứng cứ chứng minh. Việc tham gia chơi hụi và vay tiền giữa các bên diễn ra rất nhiều lần trước khi có biên nhận ngày 04/10/2023, không thể xác định được lại từ đầu nên xác định biên nhận chốt nợ 04/10/2023 buộc bà D trả nợ cho bà H 2.233.000.000đ là có căn cứ chấp nhận

[2.2] Nhưng bà D cho rằng đã chuyển trả cho bà H số tiền 2.764.699.000 đồng là nhiều hơn số nợ và có cung cấp sao kê tài khoản giao dịch tại ngân hàng S, Ngân hàng N1 chi nhánh B, Ngân hàng B1 (BL 94-166) nhưng lịch sử giao dịch chỉ đến tháng 12/2022, trong khi đó biên nhận chốt nợ ký ngày 04/10/2023. Do đó, các sao kê này không có giá trị chứng minh bà D đã trả cho bà H số tiền nợ theo biên nhận chốt nợ ngày 04/10/2023. Bà H xác định biên nhận ngày 20/6/2022, số tiền

3.480.000.000đ các bên thống nhất chữ ký của bà D, biên nhận này bà H không yêu cầu do đã chốt nợ ngày 04/10/2023, tức là sau ngày ký biên nhận 3.480.000.000đ thì bà D có trả cho bà H tiền nhưng chưa hết nên đến ngày 04/10/2023 chốt lại số nợ 2.233.000.000đ.

[3] Xét kháng cáo của ông T về trách nhiệm liên đới: bị đơn ông T là chồng bà D cho rằng đây là nợ riêng của bà D vì quá trình vay ông không biết, biên nhận chốt nợ cũng chỉ có bà D ký nên không đồng ý cùng bà D trả nợ cho bà H. Xét thấy, căn cứ vào lời trình bày của bà D tại bản tự khai ngày 24/4/2024 (Bl 169) về việc sử dụng số tiền vay *"Tất cả số tiền vay của bà H thì tôi chuyển trả nợ cho em tôi nhà ở Hà Tĩnh"* như vậy, số tiền vay sử dụng vào mục đích trả nợ cho em bà D, không phải em của ông T và ông T cũng không được bà D báo về khoản nợ của em bà D được bà D trả nghĩa là có sự đồng thuận của ông T. Tại phiên tòa hôm nay, phía nguyên đơn và bị đơn xác định việc vay mượn và chơi hụi hai bên diễn ra từ năm 2017 và tiếp nối đến nay và được các bên chốt nợ ngày 04/10/2023, ông T và D kết hôn cuối năm 2019 là sau thời điểm bà D bà H chơi hụi và vay mượn qua lại từ năm 2017 nên việc ông T không tham gia, không biết là đúng, mặt khác, bản thân ông T là giáo viên dạy ở trường nên việc lo chi tiêu sinh hoạt hàng ngày trong gia đình là do ông trang trải, việc bà D vay mượn nợ để sử dụng mục đích riêng nên không thuộc trường hợp quy định Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, ông T không có nghĩa vụ phải cùng bà D trả nợ cho bà H là đúng, kháng cáo ông T có căn cứ chấp nhận.

[4] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm là đúng quy định. Cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà H buộc bà D trả nợ là đúng, riêng trách nhiệm liên đới của ông T cần sửa lại theo hướng nhận định trên.

[5] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

[5.1] Án phí sơ thẩm: bị đơn bà D phải chịu theo quy định

[5.2] Án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà D không được chấp nhận nên phải chịu. Ông T được chấp nhận nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị D.

- Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân T.

- Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2024/DS-ST ngày 11/9/2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy về trách nhiệm liên đới.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc rút yêu cầu tính lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền 2.233.000.000 đồng (hai tỷ, hai trăm ba mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

3.1. Dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà D phải nộp số tiền 76.660.000 đồng (bảy mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 38.330.000 đồng (ba mươi tám triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002391 ngày 13/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3.2 Dân sự phúc thẩm:

-bà D phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào tiền tám ứng án phí đã nộp 300.000 đồng biên lai thu số 0002953 ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

-ông T được nhận lại 300.000 đồng tiền tám ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002952 ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND. TPCT;
- TAND quận Bình Thủy;
- CCTHADS quận Bình Thủy;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh